

## THÔNG BÁO

### Công khai cam kết chất lượng đào tạo

### Ngành Kỹ thuật xây dựng của Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị năm học 2018-2019

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			<p><i>Phương thức 1:</i> Sử dụng kết quả thi các môn trong tổ hợp môn xét tuyển của kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 để xét tuyển vào các ngành đào tạo. Phân hiệu dành 30% chỉ tiêu ngành để tuyển sinh theo phương thức này.</p> <p><i>Phương thức 2:</i> Sử dụng kết quả học tập các môn trong tổ hợp môn xét tuyển ở cấp THPT của năm học lớp 11 và học kỳ I năm học lớp 12 để xét tuyển. Điểm các môn trong tổ hợp môn xét tuyển là điểm trung bình chung (làm tròn đến 1 chữ số thập phân) mỗi môn học của năm học lớp 11 và học kỳ I năm học lớp 12. Điều kiện xét tuyển là tổng điểm các môn trong tổ hợp môn xét tuyển phải <math>\geq 18.0</math>. Phân hiệu dành 70% chỉ tiêu ngành để tuyển sinh theo phương thức này.</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p><b>1. Về kiến thức:</b></p> <p>- Chuẩn khối kiến thức chung: Vận dụng được các kiến thức Giáo dục thể chất (chứng chỉ), An ninh quốc phòng (chứng chỉ), các Nguyên lý chủ nghĩa Mác – Lê nin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh, và kiến thức ngoại ngữ (B1 hoặc tương đương) vào nghề nghiệp và cuộc sống.</p> <p>- Chuẩn khối kiến thức lĩnh vực:</p>

			<p>Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, khoa học xã hội và hành vi, pháp luật, tin học trong xây dựng làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành kỹ thuật xây dựng một cách khoa học và hệ thống.</p> <p>- Kiến thức chung khối ngành:</p> <p>Cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên ngành thiết kế và thi công công trình xây dựng, áp dụng để giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong ngành xây dựng một cách sáng tạo thông qua việc sử dụng các phương pháp và kỹ thuật: phân tích, mô hình hóa, tính toán, thiết kế và đánh giá. Đặc biệt các công nghệ xây dựng hiện đại thuộc lĩnh vực xây dựng trong thời đại 4.0.</p> <p>- Kiến thức về nghề nghiệp:</p> <p>+ Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ sở, các phương pháp tính toán, công nghệ thi công, quản lý thi công để phục vụ cho hoạt động thiết kế và thi công xây dựng;</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được các phương pháp tính toán tải trọng tác dụng, tính toán thiết kế kết cấu các cấu kiện cơ bản cũng như phức tạp, phục vụ công tác thiết kế các công trình dân dụng và công nghiệp bằng vật liệu bê tông cốt thép và thép;</p> <p>+ Hiểu và vận dụng được các phương pháp kiểm định, đánh giá chất lượng công trình; khắc phục sự cố công trình trong quá trình thi công và sử dụng;</p> <p>+ Hiểu và vận dụng được các phương pháp tính toán khối lượng thi công cũng như giá trị dự toán thi công xây dựng công trình;</p> <p>- Kiến thức bổ trợ:</p> <p>+ Vận dụng được kiến thức về cách tổ chức nhóm cho các hoạt động khoa học và thực tiễn, phương pháp lấy thông tin và truyền tải chính xác các kiến thức chuyên môn đến những đối tượng khác nhau;</p>
--	--	--	---

			<p>+ Vận dụng được kiến thức về các khái niệm nghiên cứu trong khoa học. Cách lựa chọn, xây dựng và triển khai một vấn đề trong nghiên cứu khoa học.</p> <p><b>2. Về kỹ năng, thái độ</b></p> <p>- Kỹ năng nghề nghiệp:</p> <p>+ Có kỹ năng tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế kết cấu, thi công, giám sát, tính toán kết cấu, thí nghiệm công trình, kiểm định, vận hành các công trình dân dụng và công nghiệp;</p> <p>+ Có kỹ năng tham gia tính toán khối lượng công trình; tổ chức thi công; lập mặt bằng thi công; lập và quản lý tiến độ thi công, lập dự toán công trình;</p> <p>+ Có kỹ năng sử dụng được phần mềm chuyên dụng trong thiết kế, thi công, quản lý và tính toán chi phí xây dựng.</p> <p>- Kỹ năng mềm:</p> <p>+ Có kỹ năng về khởi nghiệp, tự tìm kiếm việc làm và có đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật xây dựng.</p> <p>+ Có kỹ năng tự chủ: tự đánh giá nguồn thông tin, thu thập và xử lý thông tin, viết báo cáo và trình bày một chủ đề liên quan đến chuyên môn hoặc liên quan đến văn hóa, lối sống nhằm phục vụ cho sự phát triển của bản thân, cho những người xung quanh và cho hoạt động nghiên cứu chuyên ngành;</p> <p>+ Có kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng ngoại ngữ, đàm phán, lập và duy trì hoạt động cho các nhóm có cùng mục tiêu. Đưa ra chiến lược phát triển nhóm và thúc đẩy sự tương tác với các nhóm liên quan;</p> <p>+ Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm với các công việc và điều kiện làm việc khác nhau liên quan đến chuyên môn được đào tạo, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm đối với nhóm về những việc mình được phân công;</p> <p>+ Có năng lực nắm bắt rõ chuyên môn, định hướng hoạt động và hướng dẫn, giám sát người</p>
--	--	--	---



			khác việc tổ chức thực hiện, vận hành công trình xây dựng; + Có năng lực phát triển chuyên môn, tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. <b>3. Trình độ ngoại ngữ đạt được</b> - Có các chứng chỉ Tiếng Anh B1 hoặc tương đương theo chuẩn của Bộ GD&ĐT.																																																		
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		<p><b>* Các chính sách, hỗ trợ học tập cho sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm học 2018 -2019, Phân hiệu đã miễn, giảm học phí cho những sinh viên trong diện miễn giảm, xét cấp học bổng và trợ cấp cho những sinh viên có thành tích học tập tốt, hoàn cảnh khó khăn.</li> <li>- Có chế độ Học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên có thành tích học tập tốt, rèn luyện tốt</li> </ul> <p><b>* Môi trường sinh hoạt học tập thuận lợi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký túc xá gần Trường; thường xuyên tổ chức các khoá bồi dưỡng kỹ năng mềm, các CLB sinh viên đa dạng, phong phú; phòng máy tính, wifi miễn phí phủ sóng toàn trường; thư viện.</li> </ul>																																																		
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện		<p style="text-align: center;"><b>KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG</b> (Áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2015)</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 5%;">TT</th> <th style="width: 15%;">MÃ HỌC PHẦN</th> <th style="width: 55%;">TÊN HỌC PHẦN</th> <th style="width: 10%;">SỐ TC</th> <th style="width: 15%;">HỌC KỲ DỰ KIẾN</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="3"><b>A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b></td> <td style="text-align: center;"><b>32</b></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="3"><b>I. Các học phần lý luận chính trị</b></td> <td style="text-align: center;"><b>10</b></td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1.</td> <td style="text-align: center;">CTR1015</td> <td>Những nguyên lý cơ bản của CNMLN</td> <td style="text-align: center;">5</td> <td style="text-align: center;">1,2</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">2.</td> <td style="text-align: center;">CTR1022</td> <td>Tư tưởng Hồ Chí Minh</td> <td style="text-align: center;">2</td> <td style="text-align: center;">3</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">3.</td> <td style="text-align: center;">CTR1033</td> <td>Đường lối cách mạng của ĐCSVN</td> <td style="text-align: center;">3</td> <td style="text-align: center;">4</td> </tr> <tr> <td colspan="3"><b>II. Khoa học tự nhiên</b></td> <td style="text-align: center;"><b>18</b></td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">4.</td> <td style="text-align: center;">TOA1043</td> <td>Toán cao cấp A1</td> <td style="text-align: center;">3</td> <td style="text-align: center;">1</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">5.</td> <td style="text-align: center;">TOA1053</td> <td>Toán cao cấp A2</td> <td style="text-align: center;">3</td> <td style="text-align: center;">2</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">6.</td> <td style="text-align: center;">TOA1062</td> <td>Toán cao cấp A3</td> <td style="text-align: center;">2</td> <td style="text-align: center;">3</td> </tr> </tbody> </table>	TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ DỰ KIẾN	<b>A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>			<b>32</b>		<b>I. Các học phần lý luận chính trị</b>			<b>10</b>		1.	CTR1015	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN	5	1,2	2.	CTR1022	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	3.	CTR1033	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	4	<b>II. Khoa học tự nhiên</b>			<b>18</b>		4.	TOA1043	Toán cao cấp A1	3	1	5.	TOA1053	Toán cao cấp A2	3	2	6.	TOA1062	Toán cao cấp A3	2	3
TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ DỰ KIẾN																																																	
<b>A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>			<b>32</b>																																																		
<b>I. Các học phần lý luận chính trị</b>			<b>10</b>																																																		
1.	CTR1015	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN	5	1,2																																																	
2.	CTR1022	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3																																																	
3.	CTR1033	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	4																																																	
<b>II. Khoa học tự nhiên</b>			<b>18</b>																																																		
4.	TOA1043	Toán cao cấp A1	3	1																																																	
5.	TOA1053	Toán cao cấp A2	3	2																																																	
6.	TOA1062	Toán cao cấp A3	2	3																																																	

7.	TOA1072	Xác suất thống kê	2	4
8.	TIN1082	Tin học đại cương	2	1
9.	VL1093	Vật lý đại cương & thực hành VLĐC	3	1
10.	HOA1113	Hóa đại cương & thực hành HĐC	3	1
<b>III. Khoa học xã hội và nhân văn</b>			<b>4</b>	
11.	LUA1012	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	1
12.	NCK 1022	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2
<b>IV. Ngoại ngữ không chuyên (A1, A2, B1)</b>				
<b>V. Giáo dục thể chất</b>				
<b>VI. Giáo dục Quốc phòng</b>				
<b>B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>				
<b>I. Kiến thức cơ sở khối ngành</b>			<b>21</b>	
<b>1. Học phần bắt buộc</b>			<b>19</b>	
13.	KTR2012	Hình học họa hình	2	2
14.	KTR2022	Vẽ kỹ thuật và VKT trên máy vi tính	3	3
15.	VL12032	Cơ học cơ sở (cơ lý thuyết)	3	2
16.	TRD2043	Trắc địa & thực tập trắc địa	3	2
17.	DCH 053	Địa chất công trình & TT ĐCCT	3	3
18.	KTD2063	Kỹ thuật điện & thí nghiệm	3	3
19.	KTN 2072	Cơ sở kỹ thuật nhiệt	2	5
<b>1. Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)</b>			<b>2</b>	
20.	VL12082	Cơ học môi trường liên tục	2	5
21.	VXD 2092	Soạn thảo văn bản chuyên ngành XD	2	5
<b>II. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>29</b>	
<b>1. Học phần bắt buộc</b>			<b>27</b>	
22.	KCX3012	Sức bền vật liệu 1	3	3
23.	KCX3022	Sức bền vật liệu 2	2	4
24.	KCX 3032	Cơ học kết cấu 1	2	4

25.	KCX3042	Cơ học kết cấu 2	2	5
26.	KCX3053	Vật liệu xây dựng & thí nghiệm	3	4
27.	KCX3063	Cơ học đất	3	4
28.	KCX3072	Thủy lực	2	5
29.	KCX3082	Máy xây dựng	2	7
30.	KCX3092	An toàn lao động	2	8
31.	KCX3112	Cấp thoát nước	2	6
32.	KCX3123	Nền và Móng & Đồ án	3	5
33.	KCX3132	Tiếng Anh chuyên ngành KT Xây dựng	2	5
<b>2. Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)</b>			<b>2</b>	<b>5</b>
34.	KCX3142	Quy hoạch đô thị	2	5
35.	KCX3152	Quản lý dự án xây dựng	2	5
<b>II. Môn chuyên ngành</b>			<b>50</b>	
<b>1. Học phần bắt buộc</b>			<b>46</b>	
36.	KTR4015	Kiến trúc dân dụng, CN & Đồ án	5	6
37.	KTR 4022	Vật lý kiến trúc	2	6
38.	KCX4034	Kết cấu bê tông cốt thép & Đồ án	4	6
39.	KCX4044	Kết cấu nhà bê tông cốt thép & Đồ án	4	7
40.	KCX4053	Kết cấu thép và thép nhẹ	3	7
41.	KCX4063	Kết cấu nhà thép & Đồ án	3	7
42.	KCX4072	Kết cấu gạch đá, gỗ	2	6
43.	KCX4082	Kết cấu bê tông cốt thép ứng lực trước	2	7
44.	KCX4093	Kỹ thuật thi công 1 & Đồ án	3	7
45.	KCX4113	Kỹ thuật thi công 2 & Đồ án	3	8
46.	KCX4122	Động lực học công trình	2	8
47.	KCX4132	Ổn định công trình	2	8
48.	KCX4143	Kinh tế xây dựng	3	8
49.	KCX4154	Tổ chức thi công & Đồ án	4	9

50.	KCX4162	Chuẩn đoán và kiểm định công trình	2	9
51.	KCX4172	Thí nghiệm công trình	2	9
<b>2. HP tự chọn chuyên sâu TKXD (chọn 1 trong 3 HP)</b>			<b>2</b>	
52.	KCX4182	Ứng dụng tin học trong TKCT	2	9
53.	KCX4192	Ứng dụng tin học trong thi công CT	2	9
54.	KCX4212	Công nghệ GIS trong xây dựng	2	9
<b>3. HP tự chọn chuyên sâu TCXD (chọn 1 trong 3 HP)</b>			<b>2</b>	
55.	KCX4222	Công tác tư vấn	2	9
56.	KCX4232	Kỹ thuật thi công đặc biệt	2	9
57.	KCX4242	Luật Xây dựng	2	9
<b>C. KIẾN TẬP, THỰC TẬP, ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP</b>			<b>18</b>	
58.	KCX 5012	Thực tập công nhân	2	8
59.	KCX5022	Thực tập kĩ sư	2	9
60.	KCX5034	Thực tập tốt nghiệp	4	10
61.	KCX50410	Đồ án tốt nghiệp	10	10
<b>Tổng số tín chỉ toàn khoá</b>			<b>150</b>	

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG**  
(Áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2018)

TT	MÃ HỌC PHÂN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ DỰ KIẾN
<b>A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>			<b>31</b>	
<b>I. Các học phần lý luận chính trị</b>			<b>10</b>	
1.	CTR1015	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN	5	1,2
2.	CTR1022	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3
3.	CTR1033	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3
<b>II. Khoa học tự nhiên</b>			<b>19</b>	
4.	TOA1043	Toán cao cấp A1	3	1

5.	TOA1053	Toán cao cấp A2	3	2
6.	TOA1062	Toán cao cấp A3	2	3
7.	TOA1072	Xác suất thống kê	2	4
8.	TIN1082	Tin học đại cương	2	1
9.	VLY1093	Vật lý đại cương	2	1
10.	VLY1093	Thực hành VLĐC	1	1
11.	ESF1001	Hóa học đại cương	2	1
12.	ESF1001	Thực hành hóa học đại cương	1	1
<b>III. Khoa học xã hội và nhân văn</b>			<b>2</b>	
13.	LUA1012	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	1
<b>IV. Ngoại ngữ không chuyên (B1)</b>				
<b>V. Giáo dục thể chất</b>				
<b>VI. Giáo dục Quốc phòng</b>				
<b>B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>			<b>91</b>	
<b>I. Kiến thức cơ sở khối ngành</b>			<b>17</b>	
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>17</b>	
14.	KTR2012	Hình học họa hình	2	2
15.	KTR2022	Vẽ kỹ thuật 1	2	2
16.	KTR2023	Vẽ kỹ thuật 2	2	3
17.	VLY2032	Cơ lý thuyết	3	2
18.	TRD2043	Trắc địa công trình	2	2
19.	TRD2043	Thực tập trắc địa công trình	1	2
20.	KTD2063	Kỹ thuật điện và thí nghiệm	2	3
21.	DCH2053	Địa chất công trình	2	2
22.	DCH2053	Thực tập địa chất công trình	1	2
<b>II. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>35</b>	

			<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>35</b>	
			23. KCX3012 Sức bền vật liệu 1	3	3
			24. KCX3022 Sức bền vật liệu 2	2	4
			25. KCX 3032 Cơ học kết cấu 1	2	4
			26. KCX3042 Cơ học kết cấu 2	2	5
			27. KCX3053 Vật liệu xây dựng	2	4
			28. KCX3053 Thí nghiệm vật liệu xây dựng	1	4
			29. KCX3063 Cơ học đất	3	3
			30. KCX3082 Máy xây dựng và an toàn lao động	2	5
			31. KCX3112 Cấp thoát nước	2	6
			32. KCX3123 Nền và Móng	2	4
			33. KCX3123 Đồ án nền móng	1	4
			34. KCX3132 Tiếng Anh chuyên ngành kỹ thuật xây dựng	2	5
			35. CTR4015 Kiến trúc 1	2	4
			36. CTR4016 Kiến trúc 2	2	5
			37. CTR4016 ĐAMH kiến trúc	1	5
			38. KTR4022 Vật lý kiến trúc	2	4
			39. KCX3072 Thủy lực	2	5
			40. KCX4122 Động lực học công trình	2	7
			<b>III. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>39</b>	
			<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>31</b>	
			41. KCX4093 Kỹ thuật thi công 1	2	6
			42. KCX4093 Đồ án KTTC 1	1	6
			43. KCX4113 Kỹ thuật thi công 2	2	7
			44. KCX4113 Đồ án KTTC 2	1	7
			45. KCX4034 Kết cấu bê tông cốt thép 1	3	5

46.	KCX4034	ĐAMH Kết cấu bê tông cốt thép 1	1	5
47.	KCX4044	Kết cấu bê tông cốt thép 2	3	6
48.	KCX4044	ĐAMH Kết cấu bê tông cốt thép 2	1	6
49.	KCX4063	Kinh tế xây dựng	3	6
50.	KCX4154	Tổ chức thi công	3	8
51.	KCX4154	ĐAMH tổ chức thi công	1	8
52.	KCX4053	Kết cấu thép 1	3	7
53.	KCX4143	Kết cấu thép 2	2	7
54.	KCX4143	ĐAMH kết cấu thép 2	1	7
55.	KCX4172	Thí nghiệm công trình	2	7
56.	KCX4162	Chẩn đoán và kiểm định công trình	2	8
<b>Kiến thức tự chọn (4 HP/ 10 HP)</b>			<b>8</b>	
57.	KCX4182	Ứng dụng tin học trong TKCT	2	5
58.	KCX4192	Tin học trong QLXD	2	
59.	KCX4064	Kết cấu bê tông cốt thép 3	2	6
60.	KCX4065	Kết cấu gạch đá gỗ	2	
61.	KCX4066	Kết cấu bê tông cốt thép ứng lực trước	2	
62.	KCX3142	Quy hoạch đô thị	2	7
63.	KCX3152	Quản lý dự án xây dựng	2	
64.	KCX4222	Công tác tư vấn xây dựng	2	8
65.	KCX4232	Kỹ thuật thi công đặc biệt	2	
66.	KCX4242	Luật xây dựng	2	
<b>C. KIẾN TẬP, THỰC TẬP, ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP</b>			<b>18</b>	
67.	KCX5012	Thực tập công nhân	2	6
68.	KCX5033	Thực tập kỹ sư	2	8
69.	KCX5034	Thực tập tốt nghiệp	4	8
70.	KCX5041	Đồ án tốt nghiệp	10	9

				Tổng số tín chỉ toàn khoá	140
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường			<p>Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Kỹ thuật xây dựng có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục học ở bậc cao hơn (Thạc sỹ, Tiến sỹ) và có điều kiện học liên thông sang các ngành đào tạo khác ở các cơ sở đào tạo trong nước hoặc nước ngoài.</li> <li>- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các kiến thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.</li> </ul>	
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp			<p>Các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động trong lĩnh vực xây dựng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực đầu tư xây dựng;</li> <li>- Viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực xây dựng.</li> </ul>	

**NGƯỜI LẬP BIỂU**



**NGUYỄN NGỌC THỦY TIÊN**

*Đông Hà, ngày 16 tháng 10 năm 2019*



**GIÁM ĐỐC**

**TRƯƠNG CHÍ HIẾU**